ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG
PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 13

Phần sau từ "Nhĩ thời Văn Thù..." trở xuống là phân rõ Văn Thù dùng ngôn thuyết để giải đáp, ngay nơi văn phân bốn: a- Ca ngợi về Đại chúng đặc biệt hiếm thấy; b- Từ "Chư Phật tử..." trở xuống là nhắc lại câu hỏi mà tổng quát ca ngợi; c- Từ "Hà dĩ cố..." trở xuống là nêu ra ca ngợi mà tổng quát giải thích; d- Từ "Chư Phật tử Như Lai..." trở xuống là mở rộng hiển bày về khó nghĩ bàn.

Phần a: Trước đây Đại chúng nghi ngờ mà thưa hỏi, Phật để cho Văn Thù giải đáp, là bởi vì Văn Thù từ phương khác đến thị hiện ở cõi này, lúc sinh ra có mười điềm lành, Thể hàm chứa vạn đức, hàng phục quân ma-chế ngự ngoại đạo, thần thông biện tài khó nghĩ bàn, giáo hóa khắp mười phương, Dụng đầy đủ ba đời, đã thành Đạo từ kiếp trước, xưng là Long Chủng Tôn Vương, hiện chứng Bồ-đề. Lại nói Ma Ni Bảo Tích, thật sự là mẹ của chư Phật ba đời, đâu chỉ là Thầy của Đức Thích Ca trong quá khứ, bởi vì ảnh hưởng mà đến, tất cả đều nhìn thấy cho nên nói đến điều ấy. Sao không cần phải thưa thỉnh cung kính giống như Phật? Sao không cần phải nói cho biết là nương theo thần lực của Phật? Bởi vì ý của Phật đã cho phép. Đại chúng đã nghĩ đến thưa thỉnh, thì Phật mới hiện tướng. Không phải bậc Đại Sĩ vô cùng kính trọng, thì làm sao có thể phù hợp với lý mà âm thầm thông suốt? Vì vậy trước đây dùng ánh sáng để chỉ rõ Phổ Hiền, ở đây lại bí mật gia hộ cho Diệu Đức. Nếu như vậy thì vì sao Phổ Hiền sau khi nhập Định lại thưa thỉnh? Bởi vì biểu thị cho thuyết giảng về pháp rất sâu xa vi tế đã tin tưởng. Vì sao không nhập Định? Bởi vì quả thuận theo nhân, giống như pháp đã tin tưởng, còn lại như trước đã nói. Vì sao không có gia hộ? Bởi vì không có nhập Định, lại nương theo thần lực của Phật vốn là bí mật gia hộ. Ca ngợi về Đại chúng đặc biệt hiếm có, sơ lược có năm nghĩa: Một: Cảm ứng cách nhau xa khó mà gặp được cùng một lúc; hai: Bên trong

đầy đủ đức hạnh là tổng quát ca ngợi tán thưởng; ba: Dùng tên gọi để biểu thị cho pháp rất hiếm có; bốn: Bắt đầu phát khởi Tín Hành chưa từng có; năm: Một chúng trong Hội này chính là giống như Hội pháp giới hư không.

Phần b: Là nhắc lại câu hỏi, sót về Thể của quốc độ. Phật xuất hiện, tức là uy đức trước đây. A nghĩa là Vô, Nậu-đa-la nghĩa là Thượng, Tam nghĩa là Chánh, Miệu nghĩa là Đẳng. Lại nữa, Tam nghĩa là Biến, Bồ-đề nghĩa là Giác, nghĩa là Đạo không thể thêm gì nữa gọi là Vô Thượng, nhận biết tường tận không có gì sai lạc là Chánh Biến.

Trong phần c là nêu ra giải thích: Nêu ra từ Nan Tư (khó nghĩ bàn) trước đây, sau giải thích rằng: Căn có có thể cảm đến sai biệt vô biên, Như Lai ứng khắp tất cả pháp giới, mở rộng về khó nghĩ bàn. Văn kết luận về sau hiển bày đầy đủ. Lại tùy theo thích hợp mà thuyết pháp, ý nghĩa khó nghĩ bàn. Lại giống như pháp giới, là nêu ra một pháp thuyết giảng giống như nhiều môn, số lượng về môn không thể tận cùng giống như pháp giới, là pháp môn khó nghĩ bàn.

Phần d là mở rộng hiển bày về khó nghĩ bàn, văn có hai: Một: Tổng quát hiển bày về nhiều môn; hai: Tùy theo môn riêng biệt hiển bày.

Mục một là nêu ra Ta-bà làm đầu tiên, tóm lược hiển bày về mười loại sai biệt nhiều cách, dựa theo kết luận nối thông ở phần sau, thật sự nối thông với pháp giới, thì mười câu không ra ngoài ba nghiệp: 1- Thân là tướng tổng quát, hiện bày mười pháp giới không giống nhau, cho nên nói là đủ loại. 2- Danh để nói về Thật, tiếp về sau mở rộng phân rõ. 3- Sắc như vàng-bạc... không giống nhau, ba mươi hai tướng đều khác nhau. 4- Hình dạng có cao thấp, như ba thước-một trượng sáu, cho đến vô biên. 5- Thọ mạng có hạn lượng, hoặc là vô lượng kiếp, hoặc là không đủ một trăm năm, cho đến thấp nhất là sáng sinh ra-chiều mất đi. 6- Nơi chốn, nghĩa là nơi chốn giáo hóa khác nhau như nhiễm-tịnh... 7- Căn, nghĩa là mắt... tùy theo cảm mà hiện bày khác nhau. 8-Nơi sinh, có khác nhau như dòng dõi Sát-lợi... 9- Dựa vào tác dụng của ngôn ngữ, tùy theo âm thanh-ngôn ngữ của địa phương mà thi thiết không như nhau. 10- Quán sát, quay nhìn xung quanh để ứng với căn cơ chúng sinh. Lại quán sát về còn-mất an-nguy, có thể không dùng Trí soi chiếu các cảnh mà nêu ra có nhiều cách. Ý kết luận ở phần sau nói rằng: Khiến cho các chúng sinh đều hợp với phần của mình, mà tự thấy biết để có thể điều phục vậy thôi.

Mục hai từ "Chư Phật tử..." trở xuống là tùy theo môn riêng biệt

hiển bày, văn phân làm ba: 1: Cuối cùng phẩm này phân rõ về Thân-Danh sai biệt, giải đáp câu hỏi về Phật trú ở phần trước, gần thì mở rộng về tám câu như đủ loại thân..., bởi vì sắc tướng... là thuộc về Thân. 2: Phẩm Tứ Đế phân rõ về ngôn giáo rộng khắp mọi nơi, giải đáp câu hỏi về pháp mà Phật đã thuyết giảng, gần thì mở rộng về đủ loại ngữ nghiệp. 3: Phẩm Quang Minh Giác trình bày về vầng ánh sáng soi chiếu tận cùng, giải đáp ba câu hỏi về Uy đức-Pháp tánh và Bồ-đề ở phần trước, gần thì mở rộng về đủ loại quán sát. Năm câu hỏi về Y báo, chỉ có hiện tướng mà giải đáp, bởi vì mở rộng ở Hội trước.

Mục 1 mở rộng về tên gọi trước đây, nhưng Thánh nhân không có tên gọi, vì chúng sinh mà thiết lập tên gọi. Nếu dựa vào đức để thiết lập thì đức không có giới hạn. Nếu tùy theo căn cơ để thiết lập tên gọi giống như Chúng sinh giới, thì tuy có nhiều loại nhưng đều là tùy theo thích hợp để sinh thiện-diệt ác-thấy lý mà thiết lập, Hải ấn lập tức hiện bày không cần phải nảy sinh chấp trước. Trong văn phân bốn: a: Trong thế giới Ta-bà tự nhiên có một trăm ức; b: Gần bên cạnh thế giới Ta-bà, tức là ngoài một trăm ức; c: Tương tự nối thông tất cả, đó là tận cùng mười phương; d: Giải thích về nguyên cớ sai biệt, bởi vì tùy theo chúng sinh.

Trong mục a phân ba: Một: Bốn châu ở thế giới này; hai: Mười thế giới gần bên cạnh bốn châu; ba: Tổng quát kết luận về thế giới Ta-bà.

Trong tiết một cũng có ba: Đầu là nêu ra nơi chốn; tiếp là nêu ra tên gọi; sau là kết luận về số lượng. Phần khác đều dựa theo đây.

Nêu ra bốn châu, xưa nói rằng ý chọn lấy Diêm-phù-đề, từ ngữ thì tổng quát mà ý thì riêng biệt, bởi vì ba thế giới (Thiên hạ) còn lại không có Phật xuất hiện. Nhưng tuy không có Phật xuất hiện, mà trừ ra châu Bắc Câu-lô, hai châu khác có thể có qua lại. Sau đều dựa theo đây. Nhất Thiết Nghĩa Thành, tức là Tất Đạt, cho nên không có việc gì không thành tựu. Viên Mãn Nguyệt, là Đoạn phiền não-Trí tròn vẹn, ân che bóng trong lành mát mẻ. Sư Tử Hống, nói là quyết định thuyết giảng. Thích-ca Mâu-ni, Thích-ca nói là Năng, vốn là chủng tộc Năng Nhân; Mâu-ni nói là Tịch Mặc, vốn là hợp với lý vắng lặng. Đệ Thất Tiên, vốn là vị cuối cùng trong bảy vị Phật, nếu chọn lấy Hiền kiếp thì chính là vị Tiên thứ tư, tức là ví dụ, bởi vì không có dục nhiễm. Tỳ-lô Giá-na, giải thích mở rộng như trước. Cù-đàm Thị, là chỉ dựa theo dòng họ; Trung Hoa nói là Địa Chủ, bởi vì từ lúc kiếp mới thành lập, đời đời thừa kế nhau làm Chuyển Luân Vương. Nhưng trên đây nói là Thích-ca, chính là hướng về chủng tộc, ở đây thì hướng về dòng họ. Trí Luận quyển thứ 2 nói: "Thích-ca Mâu-ni là dòng họ Cù-đàm." Kinh Phật

Danh cũng như vậy. Sa-môn, Trung Hoa nói là Tức Ác, bởi vì không có ác nào không chấm dứt, cho nên còn gọi là Đại. Tối Thắng là cao nhất trong hàng Thánh, cho nên đức không thêm gì nữa. Đạo Sư, là dẫn dắt chúng sinh lìa xa hiểm nạn, mà chỉ rõ những vật báu. Nhưng tên gọi hàm chứa nhiều nghĩa, tóm lược giải thích về mười nghĩa này, bởi vì sợ rằng văn nhiều và rộng, còn lại chỉ tùy theo chất vấn mà giải thích.

Tiết hai từ "Thử tứ thiên hạ Đông..." trở xuống là nói về mười thế giới gần bên cạnh bốn châu, tức là mười đoạn. Thế giới Thiện Hộ..., đều là tên gọi tổng quát của bốn châu.

Phương Đông gọi là Đoạn Ngôn Luận, bởi vì chứng thực lìa xa ngôn từ, cho nên không có gì có thể nói đến lỗi lầm.

Phương Nam gọi là Đế Thích, bởi vì làm chủ của Trời-người, cho nên có thể xứng với tâm của chúng sinh.

Phương Tây gọi là Thủy Thiên, bởi vì nước dễ dàng làm lợi ích cho vạn vật, ánh sáng giữa bầu trời vốn thanh tịnh.

Phương Bắc gọi là Y-la Bạt-na, nói đầy đủ là Y-thấp-phất La-bạt-na, Y-thấp-phất là tự tại, La-bạt-na là âm thanh, tức là Viên âm tự tại mà thôi.

Thượng Phương gọi là Thạnh Hỏa, ngọn lửa hừng hực đốt cháy củi không lựa chọn cây rừng, Trí của Phật làm lợi ích cho chúng sinh, không lựa chọn Hiền-Ngu.

Hỏi: Những Thánh giáo khác nói, trong Đại Luân Vi bằng phẳng phân bố một trăm ức thế giới, phía trên tức là chư Thiên, phía dưới an trí địa ngục, vì sao kinh này nói trên-dưới đều có bốn châu? Đáp: Giáo này đã nói là Sự tùy theo Lý dung thông, hễ thuyết pháp nơi nào thì nơi ấy là chính giữa, dù cho bên cạnh phạm vi cao nhất lên đến núi Đại Luân Vi, cũng có mười phương làm chủ-bạn lẫn nhau, lấy dung thông làm quyến thuộc, căn bản trải ra không phải là nhiều; mười phương thế giới dung thông cũng dựa theo vào đây.

Vì vậy nói tóm lược về sự dung thông ở thế giới Ta-bà, thay đổi khác nhau-thay đổi lẫn nhau, sơ lược có năm nghĩa: 1- Dựa theo Sự luôn luôn nhất định, như luận thuyết của Tiểu thừa; 2- Tùy theo tâm mà thấy khác nhau, như Thân Tử-Phạm Vương; 3- Dựa vào Phật mà nói, vốn không phải là tịnh-uế; 4- Tùy theo pháp xoay chuyển, như trên nói là làm chủ-bạn lẫn nhau; 5- Bí mật tiến vào vi trần, như Hội trước đã nói.

Nếu luận tổng quát thì Tịnh độ khác lại có năm nghĩa: 1- Nghĩa về các quốc độ hòa vào nhau (Tương nhập); 2- Nghĩa về ngay vào nhau (Tương tức); 3- Nghĩa về một đầy đủ tất cả; 4- Nghĩa về rộng-hẹp tự tại;

5- Nghĩa về trùng điệp như Đế Võng. Tất cả đều như các văntrước-sau đã nói.

Tiết ba từ "Chư Phật tử thử Ta-bà..." trở xuống là tổng quát kết luận ở thế giới Ta-bà.

Mục b từ "Chư Phật tử thử..." trở xuống là làm sáng tỏ về mười phương gần bên cạnh thế giới Ta-bà, cũng phân làm mười đoạn.

Phương Đông (Mật Huấn) chỉ có chín tên gọi, so sánh với bản kinh đời Tấn thì sau tên gọi Khai Hiểu Ý, thiếu một tên gọi là Văn Tuệ.

Phương Nam chỉ có hai tên gọi, nhưng bản dịch cũ thì đầy đủ, chính là bản mới bỏ sót; dựa theo thể lệ trước sau thì không phải chỉ riêng phương này mới lược bớt.

Phương Tây và phương Bắc đều có mười một tên gọi, chỉ hai phương này có dư thì không hợp với thể văn. Trong này, tên gọi Chuyên Niệm Pháp, thích hợp tức là Văn Tuệ đã sót trước đây, cũng là sót do bản tiếng Phạn, người chú thích do nhầm lẫn mà đưa vào Bối Diệp vậy thôi.

Hạ Phương tên gọi Đế Thích Cung, là cây cung thuộc Niệm-Định của Như Lai, bởi vì mũi tên sáng suốt sắc nhọn có thể bắn thủng nghiệp phiền não của A-tu-la. Nhưng bản kinh cũ gọi là Pháp Mạng Chủ Ý, chọn lấy Đế Thích dùng pháp để giáo hóa chỉ dẫn mà làm Thiên chủ, nay nói cây cung chỉ là một sự việc mà thôi. Nếu đưa ra chữ Cung Thất, từ nơi chốn mà chọn lấy con người thì trên đại thể giống như bản kinh đời Tấn.

Mục c từ "Chư Phật tử nhu Ta-bà..." trở xuống là tương tự nối thông tất cả, dựa theo phẩm Tứ Đế, lại có nêu ra thể lệ này, mười phương còn lại cũng như thế giới Ta-bà, làm chủ-bạn lẫn nhau.

Mục d từ "Như Thế Tôn..." trở xuống là giải thích về nguyên cớ sai biệt, ở đây có hai ý: Một: Tự mình đã nhờ vào những danh ngôn sai biệt mà được thành tựu, nay vẫn dựa theo xưa dùng sự sai biệt để làm cho người khác thành thục. Hai: Lúc xưa kia còn làm Bồ-tát, tùy theo căn cơ mà điều phục chúng sinh, lúc này xuất thế phù hợp với ban đầu mà thiết lập tên gọi. Như xưa kia giáo hóa chúng sinh khiến cho cảnh hư vọng không còn, nay thành tựu Chánh giác mà thiết lập tên gọi vượt lên trên cảnh giới, người khác đều dựa theo đây mà đạt được. Nói về Thành thục là bao gồm mình và người.